|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH****ĐỀ CHÍNH THỨC**(Đề có 04 trang) | **KIỂM TRA CUỐI KỲ 2** **NĂM HỌC 2023-2024****Bài kiểm tra môn: Địa lí - Khối 12****Ban Khoa học xã hội****Thời gian làm bài: 45 phút****MÃ ĐỀ: 681** |
| Họ, tên học sinh:………………………………………………………………. |
| Lớp: …………………………. Số báo danh………………………………….. |

**Câu 1.** Cây chè được trồng nhiều ở Tây Nguyên chủ yếu là do

 **A.** khí hậu khá nóng ở các cao nguyên thấp.

 **B.** một mùa mưa và khô rõ rệt.

 **C.** tổng lượng mưa trong năm lớn.

 **D.** khí hậu mát mẻ ở các cao nguyên.

**Câu 2.** Điều kiện nào sau đây thuận lợi nhất để Duyên hải Nam Trung Bộ xây dựng cảng nước sâu?

 **A.** Có nhiều vịnh biển sâu, kín gió. **B.** Ít chịu ảnh hưởng của bão.

 **C.** Các tỉnh/thành phố đều giáp biển. **D.** Bờ biển dài, nhiều đầm phá.

**Câu 3.** Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

 **A.** chăn nuôi đại gia súc. **B.** cây công nghiệp hàng năm.

 **C.** chăn nuôi gia cầm. **D.** cây lương thực và nuôi lợn.

**Câu 4.** Trong những năm gần đây, tỉ trọng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Bắc Mĩ tăng mạnh chủ yếu là do

 **A.** số lượng và chất lượng hàng hóa ngày càng tăng.

 **B.** có thị trường tiêu thụ rộng lớn và dễ tính.

 **C.** nước ta trở thành thành viên chính thức của WTO.

 **D.** nước ta đã bình thường hóa quan hệ với Hoa Kì.

**Câu 5.** Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta là

 **A.** công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

 **B.** hàng tiêu dùng.

 **C.** công nghiệp nặng và khoáng sản.

 **D.** nguyên liệu, tư liệu sản xuất.

**Câu 6.** Việc nuôi thủy sản nước lợ, nước mặn ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn vùng ven biển.

 **B.** Đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

 **C.** Tạo thế liên hoàn phát triển kinh tế theo không gian.

 **D.** Khai thác thế mạnh nổi bật của vùng ven biển.

**Câu 7.** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ là

 **A.** địa hình phân hoá sâu sắc. **B.** ảnh hưởng của gió phơn và bão.

 **C.** nạn cát bay lấn sâu vào ruộng đồng. **D.** thiếu nước, nhất là vào mùa khô.

**Câu 8.** Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm

 **A.** khí hậu, nước, sinh vật, lễ hội.

 **B.** địa hình, sinh vật, làng nghề, ẩm thực.

 **C.** địa hình, khí hậu, nước, sinh vật.

 **D.** địa hình, di tích, lễ hội, sinh vật.

**Câu 9.** Ngành chuyên môn hóa ở trung tâm Vũng Tàu là

 **A.** dầu khí. **B.** luyện kim. **C.** hóa chất. **D.** đóng tàu.

**Câu 10.** Việc tạo ra các thế mạnh công nghiệp khác nhau của từng vùng trên lãnh thổ nước ta là do

 **A.** sự đa dạng của tài nguyên. **B.** tài nguyên có trữ lượng lớn.

 **C.** các nguyên liệu nhập khẩu. **D.** sự phân bố của tài nguyên.

**Câu 11.** Tại sao tài nguyên đất ở Đồng bằng sông Hồng đang bị xuống cấp?

 **A.** Bón quá nhiều phân hữu cơ.

 **B.** Xói mòn, rửa trôi diễn ra mạnh.

 **C.** Thường xuyên bị khô hạn.

 **D.** Sử dụng chưa hợp lí, hệ số sử dụng cao.

**Câu 12.** Loại hình vận tải có vai trò **không** đáng kể về vận chuyển hành khách của nước ta là

 **A.** đường sông. **B.** đường ô tô. **C.** đường hàng không. **D.** đường biển.

**Câu 13.** Loại gia súc nào sau đây được nuôi phổ biến hơn cả ở Tây Nguyên?

 **A.** Ngựa. **B.** Cừu. **C.** Bò. **D.** Trâu.

**Câu 14.** Ngành hàng không có bước tiến rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Chiến lược phát triển táo bạo. **B.** Lượng khách du lịch quốc tế lớn.

 **C.** Đảm bảo tính an toàn tuyệt đối. **D.** Lao động có trình độ cao.

**Câu 15.** Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi nước ta chủ yếu dựa vào

 **A.** đồng cỏ tự nhiên. **B.** hoa màu lương thực.

 **C.** phụ phẩm thủy sản. **D.** thức ăn công nghiệp.

**Câu 16.** Loại đất nào chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu đất tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng?

 **A.** Đất phù sa ngọt. **B.** Đất cát. **C.** Đất phèn. **D.** Đất mặn.

**Câu 17.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khu công nghiệp nước ta?

 **A.** Do chính phủ quyết định thành lập. **B.** Không có ranh giới địa lí xác định.

 **C.** Không có dân cư sinh sống. **D.** Chuyên sản xuất công nghiệp.

**Câu 18.** Đồng bằng sông Hồng là sản phẩm bồi tụ phù sa của hệ thống sông nào sau đây?

 **A.** hệ thống sông Hồng và sông Cầu.

 **B.** hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

 **C.** hệ thống sông Hồng và sông Lục Nam.

 **D.** hệ thống sông Hồng và sông Thương.

**Câu 19.** Trong tổng diện tích đất có rừng của vùng Bắc Trung Bộ, loại rừng nào sau đây có diện tích lớn nhất?

 **A.** Sản xuất. **B.** Đặc dụng. **C.** Ngập mặn. **D.** Phòng hộ.

**Câu 20.** Loại khoáng sản kim loại có nhiều nhất ở Tây Bắc là

 **A.** đồng, vàng. **B.** apatit, sắt. **C.** đồng, niken. **D.** thiếc, bôxit.

**Câu 21.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng chè lớn nhất Tây Nguyên?

 **A.** Kon Tum. **B.** Gia lai. **C.** Đắc Lắc. **D.** Lâm Đồng.

**Câu 22.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết cây cao su được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây của Tây Nguyên?

 **A.** Kon Tum. **B.** Gia Lai. **C.** Lâm Đồng. **D.** Đắc Lắc.

**Câu 23.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết tỉnh nào sau đây có cảng Quy Nhơn?

 **A.** Quảng Nam. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Bình Định. **D.** Khánh Hòa.

**Câu 24.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng Thanh Hóa **không** có ngành nào sau đây?

 **A.** Giấy, in, văn phòng phẩm. **B.** Gỗ, giấy, xenlulô.

 **C.** Da, giày. **D.** Dệt, may.

**Câu 25.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất dưới 1000MW thuộc vùng Đông Nam Bộ?

 **A.** Bà Rịa, Thủ Đức. **B.** Thủ Đức, Phú Mỹ. **C.** Phú Mỹ,Trà Nóc. **D.** Bà Rịa, Trà Nóc.

**Câu 26.** Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN PHÂN THEO KHU VỰC VẬN TẢI NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021**

*(Đơn vị: Triệu tấn.km)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2016** | **2021** |
| Trong nước | 75 484,0 | 94 559,2 | 113 349,7 | 104 010,6 |
| Ngoài nước | 144 733,4 | 126 366,1 | 132 074,8 | 84 312,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện chuyển dịch cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo khu vực vận tải nước ta giai đoạn 2010 - 2021, dạng biểu nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Đường. **B.** Miền. **C.** Tròn. **D.** Cột.

**Câu 27.** Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

 **A.** tăng cao khối lượng nông sản. **B.** nâng cao đời sống người dân.

 **C.** nâng cao chất lượng sản phẩm. **D.** sử dụng hợp lí các tài nguyên.

**Câu 28.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trangNông nghiệp, cho biết cây điều được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

 **A.** Ninh Thuận. **B.** Bình Phước. **C.** Phú Yên. **D.** Trà Vinh.

**Câu 29.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, hãy cho biết tuyến đường bộ nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

 **A.** Đường số 6. **B.** Đường số 8. **C.** Đường số 7. **D.** Đường số 9.

**Câu 30.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết hồ Ba Bể thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Cao Bằng. **B.** Hà Giang. **C.** Bắc Kạn. **D.** Tuyên Quang.

**Câu 31.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch Huế **không** có tài nguyên du lịch nào sau đây?

 **A.** Thắng cảnh, du lịch biển. **B.** Di tích lịch sử cách mạng.

 **C.** Di sản thiên nhiên thế giới. **D.** Di sản văn hóa thế giới.

**Câu 32.** Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA,**

**GIAI ĐOẠN 2010 - 2021**

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2017** | **2021** |
| Khai thác | 2414,4 | 3049,9 | 3420,5 | 3937,1 |
| Nuôi trồng | 2728,3 | 3532,2 | 3892,9 | 4855,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2010 - 2021?

 **A.** Sản lượng nuôi trồng tăng nhiều hơn sản lượng khai thác.

 **B.** Sản lượng khai thác tăng nhanh hơn sản lượng nuôi trồng.

 **C.** Tỉ trọng của sản lượng nuôi trồng luôn nhỏ hơn khai thác.

 **D.** Tỉ trọng của sản lượng khai thác giảm liên tục qua các năm.

**Câu 33.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành hóa chất, phân bón?

 **A.** Quy Nhơn. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Phan Thiết. **D.** Nha Trang.

**Câu 34.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 19 nối Tây Nguyên với cảng biển nào sau đây?

 **A.** Đà Nẵng. **B.** Dung Quất. **C.** Quy Nhơn. **D.** Nha Trang.

**Câu 35.** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH CÂY HÀNG NĂM CỦA NƯỚC TA**

**PHÂN THEO NHÓM CÂY GIAI ĐOẠN 2010 - 2022**

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2022** |
| Cây lương thực có hạt  | 8 615,9 | 9 008,8 | 8 222,6 | 7 997,0 |
| Cây công nghiệp hàng năm | 797,6 | 676,8 | 457,8 | 420,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi diện tích cây hàng năm của nước ta phân theo nhóm cây giai đoạn 2010 - 2022?

 **A.** Cây lương thực có hạt lớn hơn cây công nghiệp hàng năm.

 **B.** Cây công nghiệp hàng năm tăng, cây lương thực có hạt giảm.

 **C.** Cây lương thực có hạt nhỏ hơn cây công nghiệp hàng năm.

 **D.** Cây lương thực có hạt tăng, cây công nghiệp hàng năm giảm.

**Câu 36.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có giá trị sản xuất từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

 **A.** Thái Nguyên. **B.** Hạ Long. **C.** Cẩm Phả. **D.** Việt Trì.

**Câu 37.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

 **A.** Hà Giang. **B.** Lào Cai. **C.** Lạng Sơn. **D.** Bắc Kạn.

**Câu 38.** Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THAN, KHÍ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2018-2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2019** | **2020** | **2022** |
| Than (*Nghìn tấn*) | 42 383,6 | 47 157,7 | 44 598,4 | 49 854,7 |
| Khí tự nhiên (*Triệu m3*) | 10 010,0 | 10 200,0 | 9 160,0 | 8 080,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than, khí tự nhiên của nước ta giai đoạn 2018 - 2022, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Kết hợp. **B.** Cột. **C.** Đường. **D.** Tròn.

**Câu 39.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, trung tâm công nghiệp Đà Nẵng có giá trị sản xuất công nghiệp là

 **A.** trên 120 nghìn tỉ đồng. **B.** từ 9 - 40 nghìn tỉ đồng.

 **C.** từ trên 40 - 120 nghìn tỉ đồng. **D.** dưới 9 nghìn tỉ đồng.

**Câu 40.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Thuận An thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Phan Thiết. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Thừa Thiên - Huế. **D.** Thanh Hóa.

-------------------Hết------------------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục; giám thị không giải thích gì thêm.*